

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bông và bà Nguyễn Thị Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị L**, sinh ngày 18/9/1994;

ĐKKHKT: Thôn A, xã BTM, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương);

Nơi cư trú: thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng.

Căn cước công dân số: 030194003302, cấp ngày 11/4/2021.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn S**, sinh ngày 09/01/1990;

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã BTM, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương).

Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

Số định danh cá nhân: 030090008119.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị U, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn A, xã BTM, thành phố Hải Phòng (là mẹ đẻ anh S);

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 10/3/1973; Địa chỉ: thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng.

Chị L có xin xét xử vắng mặt, anh S, bà Uyên, bà Nhung đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Văn S tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã BTM, thành phố Hải Phòng) vào ngày 08/3/2012 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn. Do kinh tế gia đình còn khó khăn, nên chị và anh bàn bạc để anh S đi lao động tại Nhật Bản; sau khi anh S sang lao động tại Nhật Bản do khoảng cách địa lý vợ chồng cũng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Đến tháng 3/2022, anh S về nước sau đó tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản, khoảng thời gian này vợ chồng không những không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, giữa hai người không tìm được tiếng nói chung, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã T, thành phố Hải Phòng sống ly thân. Từ đó đến nay vợ chồng anh chị cũng không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống ly thân một thời gian dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn S để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Phương C, sinh ngày 11/9/2012, hiện đang ở cùng với bà nội và cháu Vũ Thị Việt C1, sinh ngày 10/10/2017, hiện đang ở cùng chị; khi ly hôn chị đề nghị giao con chung Vũ Thị Việt C1 cho chị trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi); giao con chung Vũ Phương C cho anh Vũ Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Trong thời gian anh S không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí giao con cho bà Trương Thị U là mẹ đẻ của anh S trực tiếp chăm sóc cho đến khi anh S về nước. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh S tại Nhật Bản vì anh S không cho chị biết địa chỉ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trương Thị U (là mẹ đẻ anh S) trình bày: Anh S và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã BTM, thành phố Hải Phòng) và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2012. Vợ chồng sống vui vẻ hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Sau đó vì điều kiện kinh tế nên anh S đi lao động ở Nhật Bản, vợ chồng lại mâu thuẫn từ trước lại xa cách về địa lý dẫn đến nhiều bất đồng quan điểm hơn, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, do có mâu thuẫn nên anh chị không còn liên lạc,

quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho anh S biết về việc chị L làm đơn xin ly hôn. Anh S không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, cũng không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại anh S có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không còn có cuộc sống chung và lại sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, anh không muốn quay về chung sống với chị L nữa, nay chị L xin ly hôn, anh nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh xác định về con chung như chị L trình bày là đúng, anh và chị L có 02 con chung, anh xác định con chung đã lớn nên anh theo nguyện vọng của các con. Nếu anh là người được nuôi dưỡng con chung anh tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho bà Trương Thị U thay anh chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bà Trương Thị U nhất trí nếu anh S là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bà đồng ý thay anh S chăm sóc con chung cho đến khi anh S về nước và không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Tuyết N (là mẹ đẻ chị L) trình bày: Anh S và chị L được tự do tìm hiểu, gia đình hai bên tổ chức đám cưới tại địa phương, có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc chị đưa con nhỏ về ở cùng với bà từ năm 2022 đến nay.

Tại Công văn số 1779/QLXNC-PA08 ngày 05/9/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng xác định anh Vũ Văn S, sinh ngày 09/01/1990, có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 02/8/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND khu vực 13 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị L ly hôn anh Vũ Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Phương C, sinh ngày 11/9/2012 cho anh Vũ Văn S chăm sóc, nuôi dưỡng (tạm giao cho bà Trương Thị U chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh S về nước); giao con chung Vũ Thị Việt C1, sinh ngày 10/10/2017 cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Vũ Văn S. Anh S hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Thôn A, xã BTM, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh S tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng đã yêu cầu gia đình anh S cung cấp địa chỉ của anh S. Gia đình anh S xác định anh S đang ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên gia đình không cung cấp được địa chỉ anh S cho Tòa án. Tuy nhiên, gia đình anh S chấp nhận nhận văn bản tố tụng của Tòa án và xác định đã thông báo đầy đủ nội dung văn bản cho anh S được biết. Anh S không có văn bản gửi về cho Tòa án, nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm về vụ án. Do vậy, áp dụng Nghị quyết số 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị L vắng mặt tại phiên toà và đề nghị xử vắng mặt; anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Vũ Văn S tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã H (nay là xã BTM), thành phố Hải Phòng đăng ký kết hôn vào ngày ngày 08/3/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị L, lời khai của bà U (là mẹ đẻ anh S), có căn cứ xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh S có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, cách làm ăn kinh tế và thường xuyên xảy ra va chạm, không có tiếng nói chung. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh S đã được gia đình thông báo về việc chị L xin ly hôn anh S nhưng anh S không có văn bản, tài liệu gì thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. HĐXX thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh S.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị L và anh Vũ Văn S có 02 con chung là Vũ Phương C, sinh ngày 11/9/2012 và Vũ Thị Việt C1, sinh ngày 10/10/2017, hiện cháu C đang ở với bà U (là bà nội của cháu), cháu C1 đang ở cùng với chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi cháu C1 và giao cháu C cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, anh S có nguyện vọng được nuôi cháu C, trong thời gian anh S không có mặt tại Việt Nam anh, chị nhất trí giao cháu C cho bà Trương Thị U chăm sóc cho đến khi anh S về nước. Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận theo thỏa thuận của anh, chị giao con chung Vũ Thị Việt C1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi); giao con chung Vũ Phương C cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con Vũ Phương C cho bà Trương Thị U chăm sóc cho đến khi anh S về nước.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Anh S không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh S có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị L. Xử cho chị Vũ Thị L ly hôn anh Vũ Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Vũ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Việt C1, sinh ngày 10/10/2017 cho đến khi con trưởng thành (tròn 18 tuổi); anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Phương C, sinh ngày 11/9/2012 cho đến khi con trưởng thành

(tròn 18 tuổi), trong thời gian anh S không có mặt ở Việt Nam thì tạm giao cho bà Trương Thị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vũ Phương C cho đến khi anh S về nước; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Vũ Thị L và anh Vũ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000324 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh S đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã BTM, thành phố Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Quý Long